

Xây dựng hồ sơ đăng ký chỉ dẫn địa lý (CDDL) cho sản phẩm quýt Bắc Kạn

1. Tên dự án: Xây dựng hồ sơ đăng ký chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm quýt Bắc Kạn.

2. Tổ chức chủ trì dự án: Viện Nghiên cứu Rau quả.

3. Chủ nhiệm dự án: Ông: Trịnh Khắc Quang.

4. Mục tiêu của dự án:

- Xác định được danh tiếng, tính chất/chất lượng đặc thù của sản phẩm quýt Bắc Kạn;

- Xác định được các yếu tố ngoại cảnh tạo nên tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm;

- Khoanh được vùng bảo hộ CDDL quýt Bắc Kạn theo quy định bằng bản đồ;

- Quýt Bắc Kạn được Nhà nước bảo hộ chỉ dẫn địa lý.

5. Kết quả thực hiện:

5.1. Danh tiếng, tính chất/chất lượng đặc thù của sản phẩm quýt Bắc Kạn:

Quýt Bắc Kạn là tên gọi một giống quýt gắn liền với 3 huyện Bạch Thông, Chợ Đồn và Ba Bể. Quýt Bắc Kạn là đặc sản nổi tiếng từ lâu. Theo tiếng dân tộc Tày quả quýt còn được gọi là mác nghề, còn theo tiếng dân tộc Dao quả quýt được gọi là mác pên.

Tính chất/chất lượng đặc thù của sản phẩm quýt Bắc Kạn: Quýt Bắc Kạn có quả tròn dẹt, vỏ quả màu vàng, nhẵn, dễ bóc tách, múi to, vị chua dịu, ít hạt và rất thơm.

a. Về hình thái:

Quýt Bắc Kạn có hình tròn dẹt với đường kính quả từ 7,16 cm đến 7,99 cm; chiều cao quả từ 4,17 cm đến 4,60 cm; vỏ quả nhẵn, khi chín màu vàng tươi, độ dày vỏ trung bình từ 2,08 mm đến 3,04 mm.

b. Về thương phẩm:

Quýt Bắc Kạn có múi quả to, đều, mọng nước; tép quả màu vàng rom, không nát; số lượng hạt ít; khi ăn có vị chua dịu, không the đắng, xơ bã tan, mềm vừa phải và rất thơm.

c. Về các chỉ tiêu lý hóa:

- Đặc điểm hình thái, khối lượng quả, đường kính quả và hàm lượng nước trong quả gần giống với quýt vàng Bắc Sơn. Tuy nhiên, quýt Bắc Kạn có màu vàng rom và thơm hơn quýt vàng Bắc Sơn. Bên cạnh đó, quýt Bắc

Kạn có chiều cao quả thấp hơn, vỏ quả mỏng và ít hạt hơn quýt vàng Bắc Sơn.

- Các chỉ tiêu: Hàm lượng đường tổng số, hàm lượng vitamin C và độ Brix cao hơn quýt vàng Bắc Sơn. Nhưng hàm lượng chất khô của quýt Bắc Kạn thấp hơn quýt vàng Bắc Sơn. Hàm lượng nước và axit tổng số của hai loại quýt này tương đương nhau.

5.2. Đặc thù về điều kiện tự nhiên ảnh hưởng đến tính chất, chất lượng đặc thù của CDĐL “Quýt Bắc Kạn”:

5.2.1. Đặc thù về địa hình:

Các cây quýt Bắc Kạn cho quả có chất lượng ngon khi được trồng ở những vùng có tầng đất dày 1m, đất thoát nước tốt và có mực nước ngầm thấp. Dạng địa hình đồi núi thấp và địa hình đồng bằng xen đồi, các khe dốc có độ cao tuyệt đối dưới 500 m có tại hầu hết các xã của ba huyện, tuy nhiên diện tích của mỗi loại địa hình tại các xã khác nhau.

5.2.2. Đặc thù về khí hậu:

Khu vực địa lý có nhiệt độ trung bình năm là 22⁰C, tháng nóng nhất có nhiệt độ trung bình là 37,2⁰C, tháng lạnh nhất có nhiệt độ trung bình nhỏ hơn 14⁰C. Độ ẩm trung bình năm là 82,6%. Tổng số giờ nắng trong năm là 1.475,4 giờ. Số giờ nắng thấp nhất vào các tháng Một, Hai, Ba và cao nhất vào các tháng Sáu, Bảy, Tám, Chín. Lượng mưa trung bình năm là 1.371,7 mm, phân bố không đều giữa các tháng trong năm. Vào mùa mưa (từ tháng 4 đến tháng 10), lượng mưa chiếm tới 75% - 80% tổng lượng mưa cả năm, còn lại 20%-25% lượng mưa vào mùa khô (Tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau). Đây là những đặc thù về khí hậu phù hợp với yêu cầu sinh thái của cây quýt và làm nên tính chất, chất lượng đặc thù của Quýt Bắc Kạn.

5.2.3. Đặc thù về đất trồng:

Do đặc điểm cây quýt Bắc Kạn phân bố ở những khu vực có độ cao dưới 700m, đặc biệt phân bố nhiều ở những khu vực có độ cao dưới 500m nên theo qui luật đai cao, nhóm đất chính của vùng quýt Bắc Kạn là nhóm đất Feralit với đặc trưng là đất có màu đỏ vàng như: đất Feralit đỏ vàng trên đá biến chất, đất Feralit vàng đỏ trên phiến thạch sét, đất Feralit vàng trên đá Mácma axit... Trong đó loại đất Feralit đỏ vàng trên đá biến chất là có tính chất phù hợp cho sự phát triển của cây quýt như: đất có cấu tạo kém bền vững, phiến đá mềm dễ phân hủy, kết hợp với địa hình có độ dốc vừa phải do đó tầng đất dày và thoát nước tốt, thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến trung bình.

Mặc dù tất cả các tính chất cơ lý và hóa học của đất đều có ảnh hưởng đến tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm, tuy nhiên, xét về mối quan hệ đơn lẻ, chất lượng đặc thù của sản phẩm được quyết định bởi một số tính chất cơ lý và hóa học của đất. Cụ thể:

- Hàm lượng chất khô của quả được quyết định bởi tỷ trọng và độ chua hiện tại pHH_2O ;
- Hàm lượng đường tổng số được quyết định bởi tỉ trọng và hàm lượng mùn;
- Hàm lượng Vitamin C được quyết định bởi hàm lượng sắt;
- Hàm lượng axit tổng số được quyết định bởi hàm lượng Magie;
- Độ Brix được quyết định bởi độ chua trao đổi $pHKCL$ và hàm lượng kali dễ tiêu.

5.3. Yếu tố con người và tập quán canh tác tác động đến tính chất, chất lượng đặc thù của quýt Bắc Kạn

Sản phẩm quýt Bắc Kạn mang những đặc điểm riêng về chất lượng khác với sản phẩm quýt của các vùng khác trong cả nước. Tất cả những đặc trưng về cảm quan và chất lượng lý hóa phần nào được quyết định thông qua tập quán canh tác và yếu tố con người tác động vào từ việc nhân giống, thiết kế vườn trồng, đào hố trồng cây, chăm sóc, cho đến thu hoạch và bảo quản.

5.4. Xây dựng bản đồ CD ĐL cho Quýt Bắc Kạn

Trên cơ sở các đơn vị bản đồ địa hình, đất đai, kết hợp, đối chiếu và so sánh với các yêu cầu về đất đai của cây quýt để tìm ra khả năng thích hợp của quýt Bắc Kạn đối với đất đai tại các vùng điều tra. Sau khi đối chiếu và so sánh đã đưa ra được tính thích hợp đặc thù của quýt Bắc Kạn trên các địa hình đất khác nhau.

Ảnh hưởng của địa hình, đặc biệt là vòng cung Ngân Sơn đã tạo ra các vùng khí hậu khác biệt tại Bắc Kạn. Khu Đông Bắc vòng cung Ngân Sơn, khu phía Tây, khu trung tâm và khu đồng bằng phía Đông Nam. Đặc biệt, khu trung tâm do ảnh hưởng điều hòa của hồ Ba Bể cũng tạo ra các đặc điểm khí hậu riêng biệt.

Các đặc điểm địa hình, đất đai, đặc điểm về khí hậu (nhiệt độ, lượng mưa, độ ẩm...) được kết hợp tham chiếu với các yêu cầu về đất đai và khí hậu của cây quýt, từ đó đề xuất vùng trồng quýt đảm bảo được các yếu tố phát triển và cho chất lượng cao, đúng đặc trưng. Các vùng này là vùng đề xuất bảo hộ chỉ dẫn địa lý.

Kết quả lồng ghép các bản đồ đơn tính (bản đồ lượng mưa, bản đồ nhiệt độ, bản đồ độ ẩm không khí..) kết hợp với việc khảo sát trực tiếp địa hình, đất đai cho thấy: các vùng thích hợp khá tốt cho cây quýt Bắc Kạn sinh trưởng và phát triển tập trung ở 3 huyện Bạch Thông, Chợ Đồn và Ba Bể.

Kết quả đó cho phép xác định vùng mang chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm quýt.

Vùng mang CD ĐL Bắc Kạn đối với sản phẩm quýt bao gồm:

- Xã Quang Thuận, xã Đôn Phong, xã Dương Phong, thuộc huyện Bạch Thông;

- Xã Rã Bản, xã Đông Viên, xã Phương Viên thuộc huyện Chợ Đồn;

- Xã Thượng Giáo, xã Địa Linh, xã Chu Hương, xã Mỹ Phương, xã Cao Trĩ, xã Yên Dương thuộc huyện Ba Bể.

5.5. Xây dựng các điều kiện để quản lý và phát triển CD ĐL “Quýt Bắc Kạn”:

5.5.1. Thực trạng sản xuất và kinh doanh quýt Bắc Kạn:

Về phân bố và diện tích trồng quýt:

Hiện nay, Bắc Kạn có khoảng trên 1.300 ha cây quýt, được trồng rải rác hầu hết các huyện trên toàn tỉnh, trong khi diện tích quýt năm 1997 mới chỉ khoảng 7 ha (Ước tính), tức là tăng hơn 170 lần sau 15 năm. Tuy nhiên diện tích được trồng tập trung là ở huyện Bạch Thông và Chợ Đồn (Khoảng trên 1000 ha). Sản lượng năm 2012, toàn tỉnh Bắc Kạn khoảng trên 4.500 tấn. Tuy nhiên Cây quýt vẫn được trồng tập trung tại vùng đã được quy hoạch như huyện Bạch Thông (Xã: Quang Thuận, Dương Phong, Đôn Phong); huyện Chợ Đồn (Xã: Đông Viên, Rã Bản, Phương Viên). Bên cạnh các huyện phát triển trồng cây quýt theo vùng quy hoạch, cây quýt đã được trồng ở một số huyện như: Chợ Mới, Ngân Sơn, Na Rì, Pác Nặm, Ba Bể.

Nhìn chung ở tất cả các địa phương nằm trong vùng được bảo hộ chỉ dẫn địa lý đều có sản lượng quýt tăng khá cao. Điển hình tại một số xã như: xã Quang Thuận – huyện Bạch Thông, sản lượng quýt năm 2012 đạt gần 2.000 tấn, tăng gần gấp đôi so với năm trước. Đặc biệt hơn là có nhiều hộ gia đình đã có thu nhập từ 100 đến 200 triệu đồng từ việc trồng và tiêu thụ quýt. Cũng trong địa bàn huyện Bạch Thông, năm 2011, sản lượng quýt của xã Dương Phong đạt khoảng 800 tấn, tương đương 8 tỷ đồng, năm 2012 tăng gấp đôi đạt 1.700 tấn. Tại xã Rã Bản – huyện Chợ Đồn, năm 2011, toàn xã có khoảng 50 ha quýt cho thu hoạch với tổng sản lượng hơn 170 tấn, thì năm 2012 thu được gần gấp đôi, đạt 300 tấn. Trong vụ quýt 2012, sản lượng quýt đã cao hơn nhiều so với năm ngoái mang lại một nguồn thu nhập đáng kể cho bà con.

Thực trạng tiêu thụ quýt:

Quýt Bắc Kạn không chỉ được tiêu thụ trong địa bàn tỉnh mà còn được tiêu thụ ở nhiều thị trường ở nhiều tỉnh khác như: Hà Nội, Hải Dương, Lạng Sơn, Thái Nguyên. Đặc biệt hơn, quýt Bắc Kạn còn được xuất khẩu sang Trung Quốc.

Theo kết quả điều tra, khảo sát, 100% người được hỏi cho biết, hiện nay sản phẩm quýt được bán buôn cho thương lái và người thu gom. Chính vì

vậy, hoạt động tiêu thụ quýt chủ yếu được giao cho các tư thương hoặc bán cho tư thương cả vườn.

5.5.2. Xác định các tiêu chí quản lý:

Các tiêu chí sau được xác định phục vụ cho công tác quản lý CDĐL Quýt Bắc Kạn:

- *Tiêu chí về nguồn gốc:* Tiêu chí này xác định nhằm đảm bảo rằng chỉ có sản phẩm quýt nằm trong vùng bản đồ được xác định theo Văn bằng bảo hộ số 00033 do Cục Sở hữu trí tuệ cấp mới được mang CDĐL;

- *Tiêu chí về chất lượng:* Tiêu chí này dựa trên các kết quả phân tích thành phần sinh hóa và kết quả đánh giá cảm quan để đảm bảo rằng chỉ có quýt Bắc Kạn có tính chất, chất lượng đặc thù như vậy mới được mang CDĐL;

- *Tiêu chí về quy trình:* Chỉ có quýt trong vùng bảo hộ, được canh tác và thu hái theo đúng hướng dẫn kỹ thuật mới được mang CDĐL.

5.5.3. Chỉ định cơ quan quản lý CD ĐL cho sản phẩm Quýt:

Theo qui định tại khoản 4, điều 121 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11, và điều 19 Nghị định 103/2006 ngày 22/9/2006 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT) về sở hữu công nghiệp, CDĐL thuộc quyền sở hữu của Nhà nước. Mặc dù CDĐL chỉ mang phạm vi địa phương do UBND địa phương trực tiếp quản lý sau khi được Nhà nước trao quyền quản lý nhưng các hoạt động liên quan đến sản phẩm mang CDĐL lại diễn ra trong phạm vi toàn quốc, thậm chí là vượt khỏi biên giới quốc gia, đồng thời văn bằng bảo hộ có giá trị trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Do đó hoạt động quản lý CDĐL rất cần sự hợp tác, tham gia của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cũng như của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên phạm vi cả nước. Thực tế cùng những đòi hỏi đó khiến việc quản lý CDĐL phải đối mặt với rất nhiều thách thức.

Trong khi đó, để xây dựng được một tổ chức thực sự có năng lực quản lý và phát triển; có đủ uy tín và khả năng tập hợp các thành viên; bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên... để đứng ra quản lý CDĐL là điều không dễ. Đến nay, hầu như chưa có mô hình quản lý, tổ chức quản lý CD ĐL nào ở Việt Nam thành công mang tính điển hình để có thể giúp các đơn vị mới học hỏi được.

Trước tình hình đó, UBND tỉnh Bắc Kạn đã chỉ định Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Kạn là đơn vị được ủy quyền quản lý CDĐL cho sản phẩm Quýt Bắc Kạn.

Như vậy Sở Khoa học và Công nghệ là tổ chức quản lý CDĐL Bắc Kạn cho sản phẩm Quýt của tỉnh Bắc Kạn và là tổ chức nộp đơn đăng ký CDĐL tới Cục SHTT Việt Nam.

5.5.4. Xây dựng quy chế quản lý và sử dụng CD ĐL:

Quy chế quản lý và sử dụng CDĐL “Bắc Kạn” cho sản phẩm quýt đã được xây dựng bao gồm 3 chương, 15 điều, theo đó: Quy chế nêu rõ quyền và nghĩa vụ của cơ quan quản lý và người sử dụng; điều kiện sử dụng CDĐL; công tác kiểm tra, kiểm soát sản phẩm; hành vi vi phạm; nguyên tắc, chế tài xử lý các hành vi vi phạm ...

Dự án đã tổ chức 03 hội nghị góp ý cho quy chế quản lý và sử dụng CDĐL tại các xã nằm trong vùng chỉ dẫn địa lý.

Quy chế được ban hành theo: Quyết định số 60/QĐ-SKHHCN ngày 04 tháng 05 năm 2012 của Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng CD ĐL Bắc Kạn cho sản phẩm quýt.

5.6. Thiết kế nhãn hiệu:

Mẫu bao bì và nhãn hiệu cho chỉ dẫn địa lý đã được thiết kế.

Theo đó, quýt Bắc Kạn được đựng trong các túi lưới hoặc bọc trong túi PE dày 0,02 mm – 0.03 mm.

Nhãn hiệu của sản phẩm được thiết kế như sau:



5.7. Nộp và theo đuổi đơn đăng ký CDĐL:

5.7.1. Xây dựng hồ sơ đăng ký CDĐL:

Xây dựng bộ hồ sơ hồ sơ đăng ký CDĐL quýt Bắc Kạn. Bộ hồ sơ gồm các tài liệu sau:

- Tờ khai đăng ký CDĐL;

- Bản mô tả tính chất/chất lượng/danh tiếng của sản phẩm;
- Bản đồ khu vực CDDL tương ứng với CDDL;
- Các tài liệu phụ trợ khác: Các báo cáo chuyên đề cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc đăng ký CDDL “Bắc Kạn” cho sản phẩm Quýt của tỉnh Bắc Kạn.

5.7.2. Thực hiện nộp và theo dõi đơn đăng ký CDDL:

Bộ hồ sơ hoàn thiện được nộp lên Cục Sở hữu trí tuệ ngày 05/06/2012 với biên nhận số: 6-2012-0005.

Ngày 14 tháng 11 năm 2012 Cục Sở hữu trí tuệ đã ban hành Quyết định số 2839/QĐ-SHTT về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số 00033 cho sản phẩm quýt của tỉnh Bắc Kạn.

Ngày 09 tháng 12 năm 2012, Tỉnh ủy, Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bắc Kạn đã tổ chức lễ đón nhận Chỉ dẫn địa lý quýt Bắc Kạn.

6. Thời gian bắt đầu và kết thúc: 9/2011 - 12/2012.

7. Kinh phí thực hiện: 700.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm triệu đồng)/.